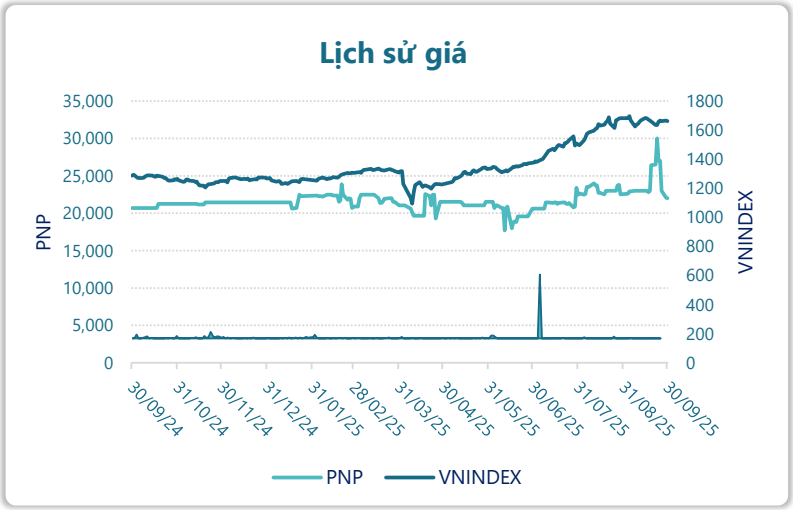
FireAnt

CTCP Tân Cảng - Phú Hữu (UPCOM: PNP)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**22,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,695
SL cổ phiếu LH	16,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	880
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	354
P/E	8.6
EPS	2,557

DT thuần

Q3/25

86.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.60| -4.0%

YoY: ▼5.00| -5.5%

LN sau thuế

Q3/25

10.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.20| -10.5%

YoY: ▼0.90| -8.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

16.4%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

9T 2025

257

tỷ VNĐ

YoY: ▼12.0| -4.5%

LN sau thuế

9T 2025

32.2

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.80| -5.3%

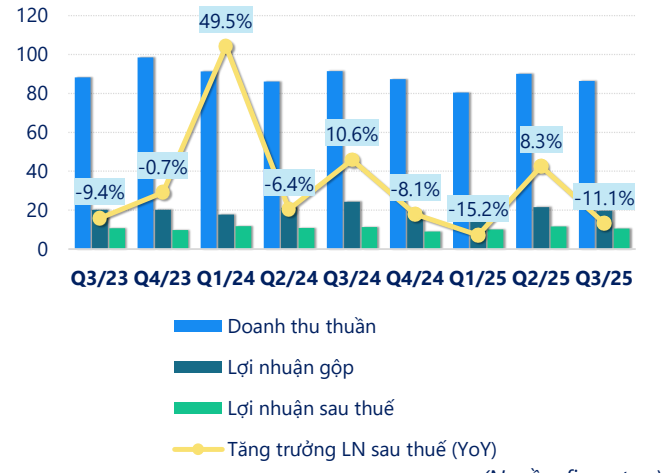
ROE

Q3/25

18.2%

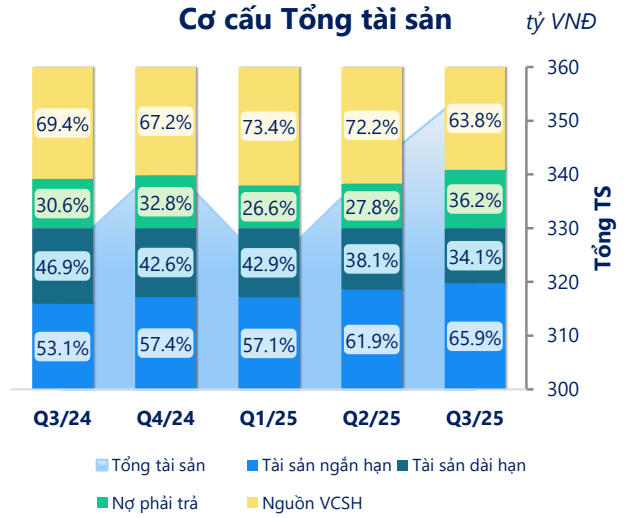
+/- YoY: ▼ 1.6%

Kết quả kinh doanh



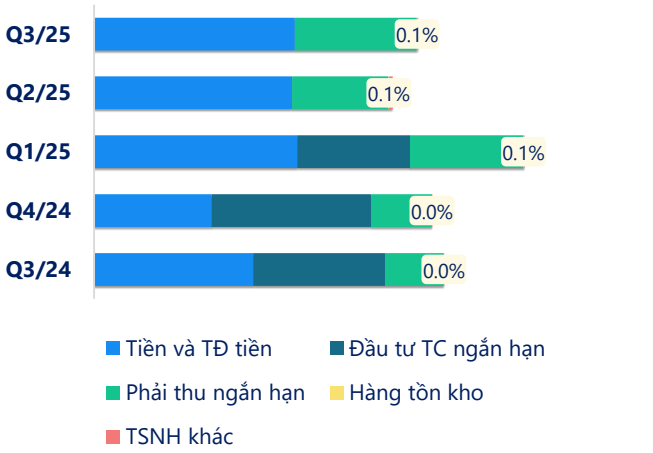
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



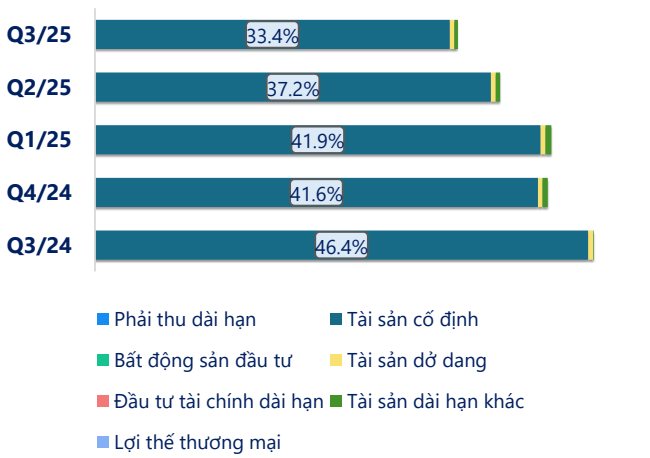
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



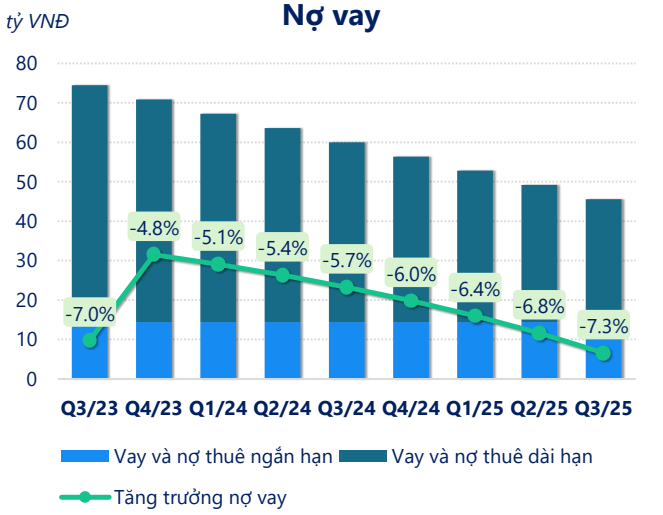
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



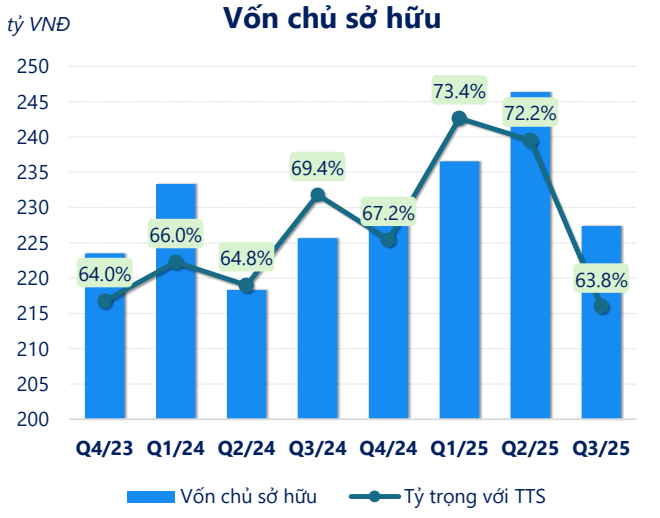
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



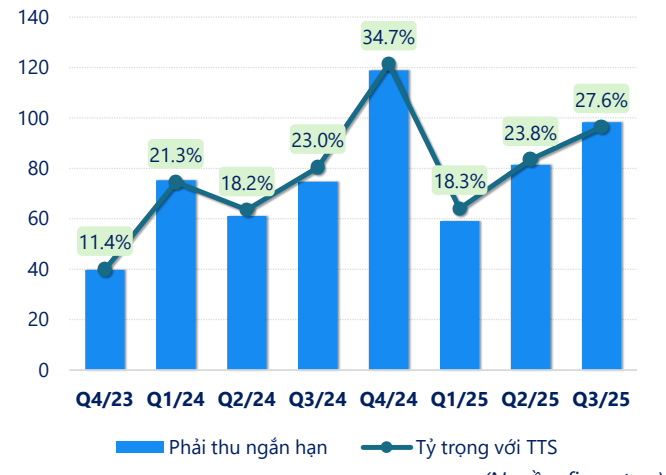
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



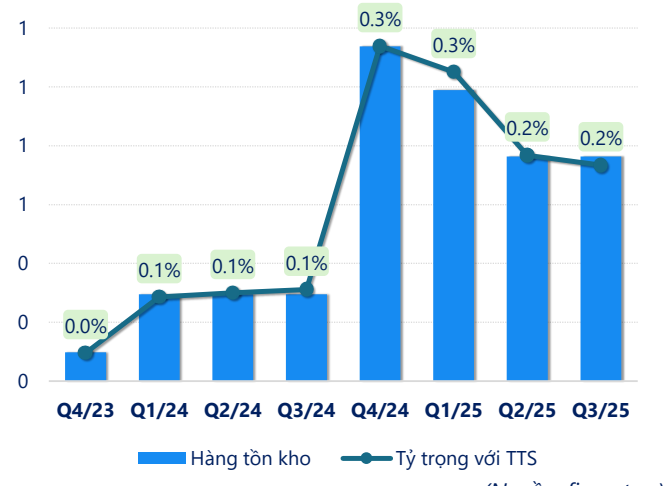
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



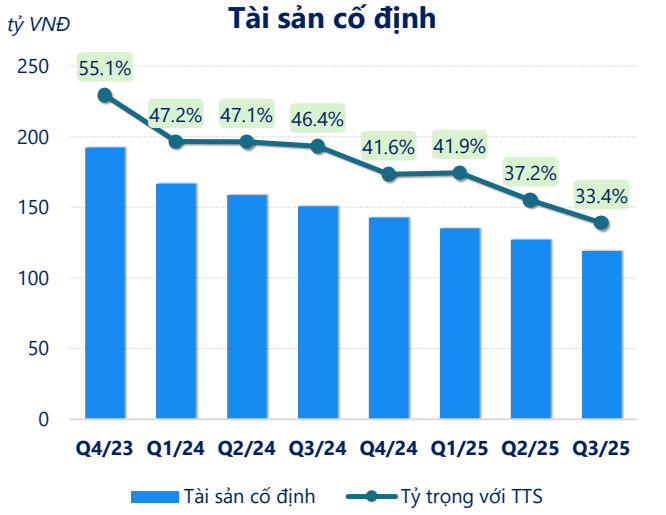
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



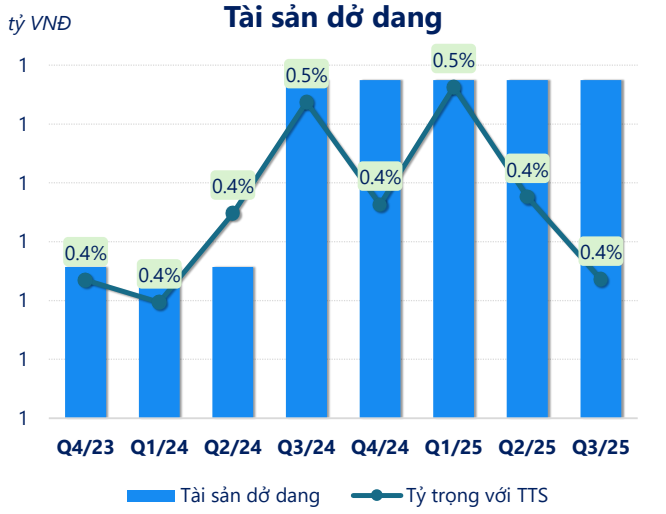
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



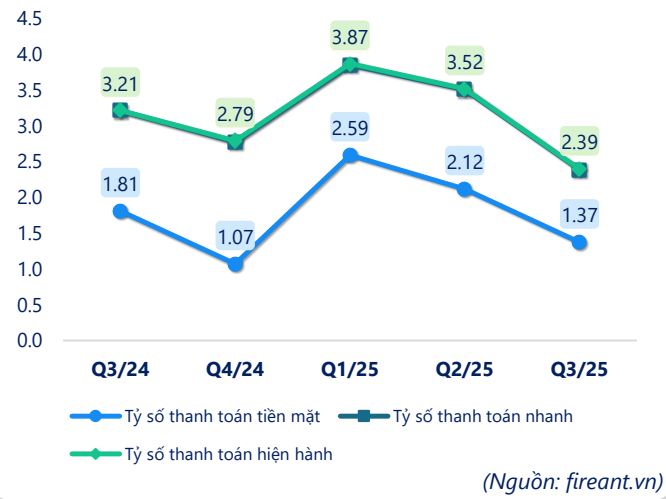
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



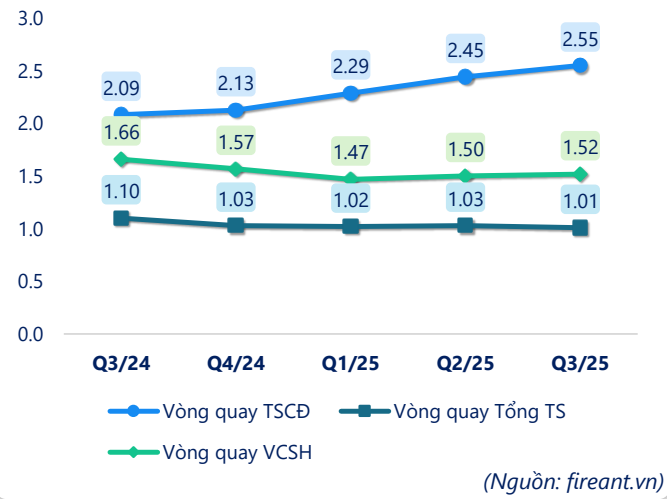
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**325**	**343**	**322**	**341**	**357**
Tài sản ngắn hạn	**173**	**197**	**184**	**211**	**235**
Tiền và tương đương tiền	97.2	75.5	123	127	135
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0.26	0
Phải thu ngắn hạn	74.6	119	59.1	81.4	98.3
Hàng tồn kho	0.29	1.14	0.99	0.76	0.76
Tài sản ngắn hạn khác	0.53	1.25	0.83	1.69	1.29
Tài sản dài hạn	**152**	**146**	**138**	**130**	**122**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	151	143	135	127	119
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.47	1.47	1.47	1.47	1.47
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.18	1.73	1.85	1.49	1.19
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**99.3**	**112**	**85.9**	**94.7**	**129**
Nợ ngắn hạn	**53.7**	**70.5**	**47.6**	**60.0**	**98.2**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.4	14.4	14.4	14.4	14.4
Phải trả người bán ngắn hạn	12.9	36.1	18.7	17.7	38.3
Nợ dài hạn	45.6	42.0	38.3	34.7	31.1
Vay và nợ thuê dài hạn	45.6	42.0	38.3	34.7	31.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	**226**	**230**	**237**	**246**	**227**
Vốn chủ sở hữu	**226**	**230**	**237**	**246**	**227**
Vốn điều lệ	161	161	161	161	161
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)